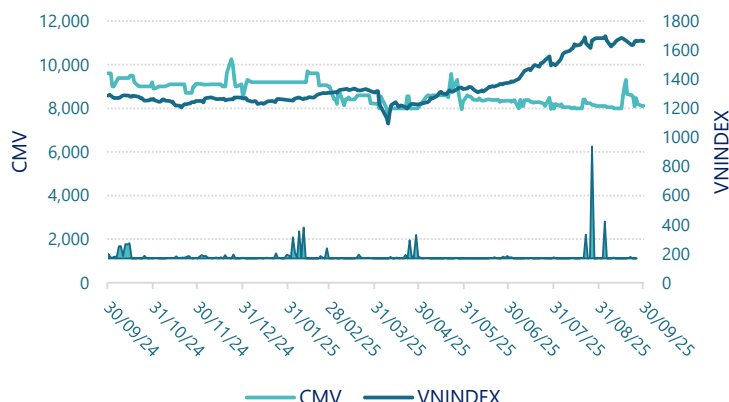


CTCP Thương nghiệp Cà Mau (HSX: CMV)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	8,110
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	10,250
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	7,440
SL cổ phiếu LH	18,155,868
KLGD BQ 20 phiên (CP)	6,990
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	147
P/E	8.0
EPS	1,012

DT thuần

Q3/25

1,131

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 62.0 | 5.8%

YoY: ▲ 17.0 | 1.5%

LN sau thuế

Q3/25

6.43

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.95 | 43.6%

YoY: ▲ 6.20 | 2696%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

0.9%

+/- YoY: ▲ 0.6%

DT thuần

9T 2025

3,250

tỷ VNĐ

YoY: ▼144 | -4.3%

LN sau thuế

9T 2025

14.4

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 7.42 | 106%

ROE

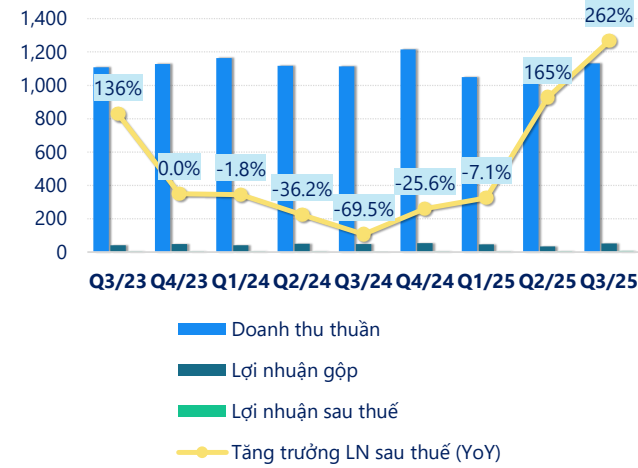
Q3/25

7.3%

+/- YoY: ▲ 1.9%

tỷ VNĐ

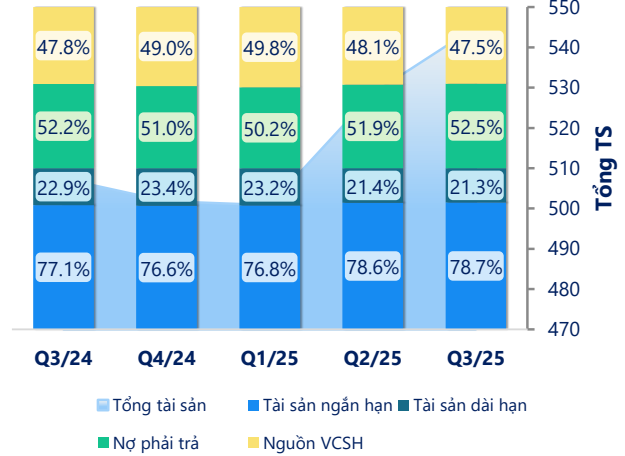
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

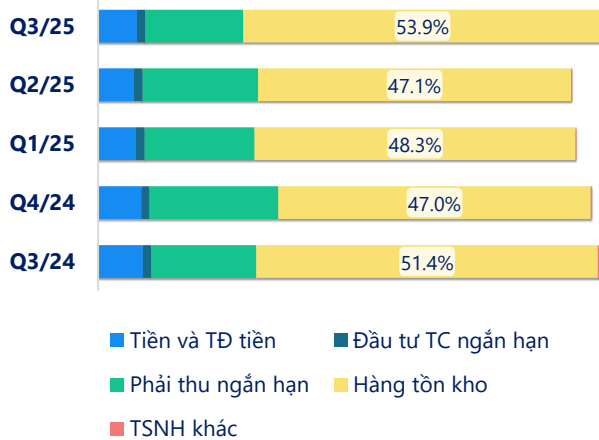
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



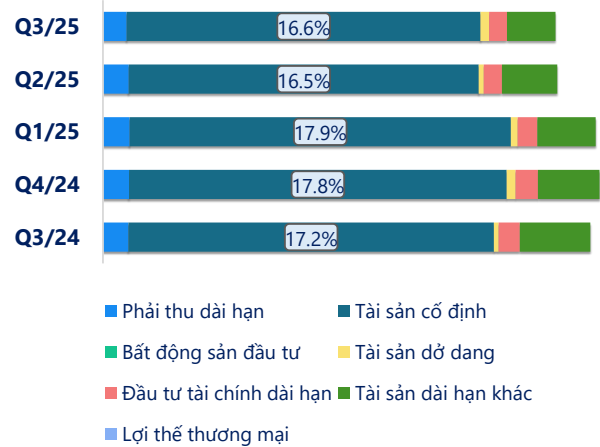
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

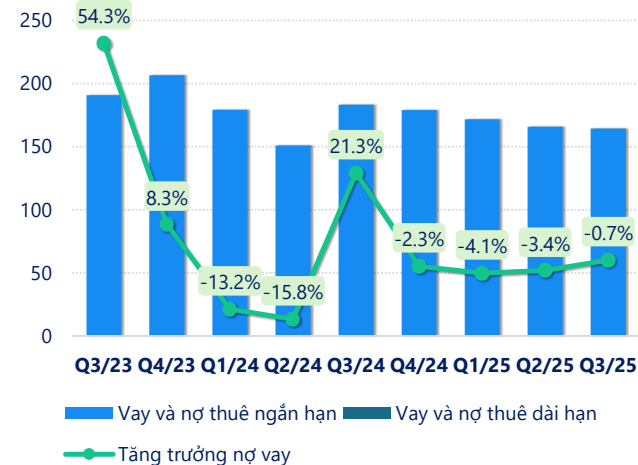
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

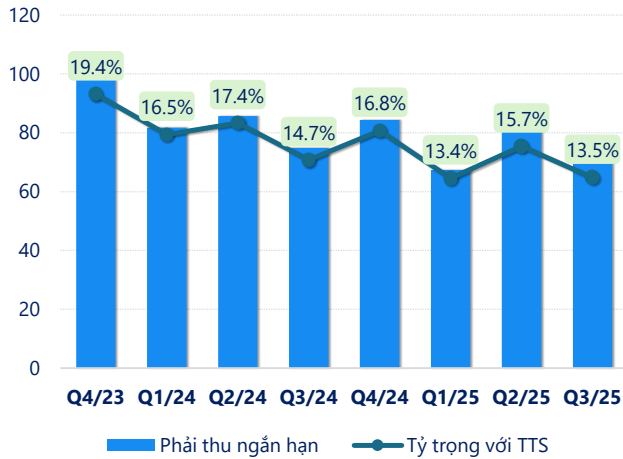
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



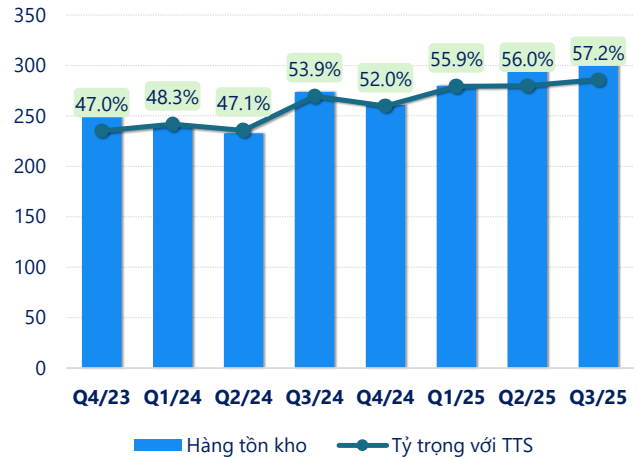
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


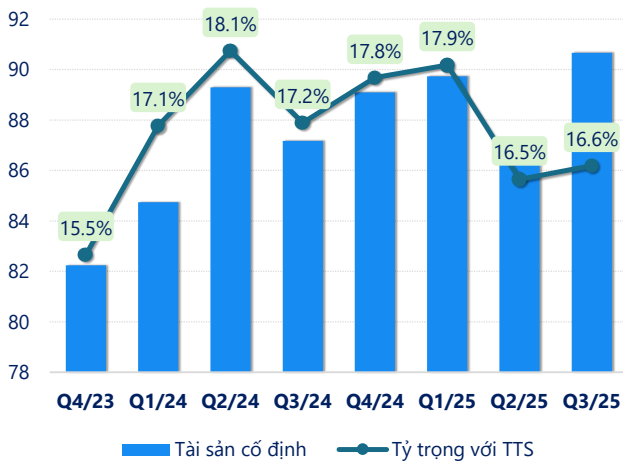
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


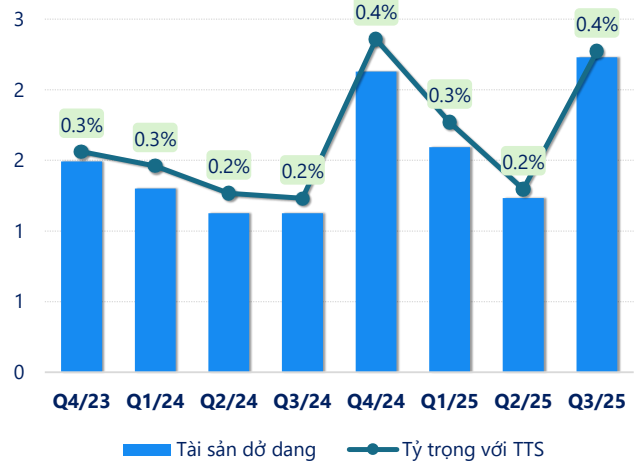
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

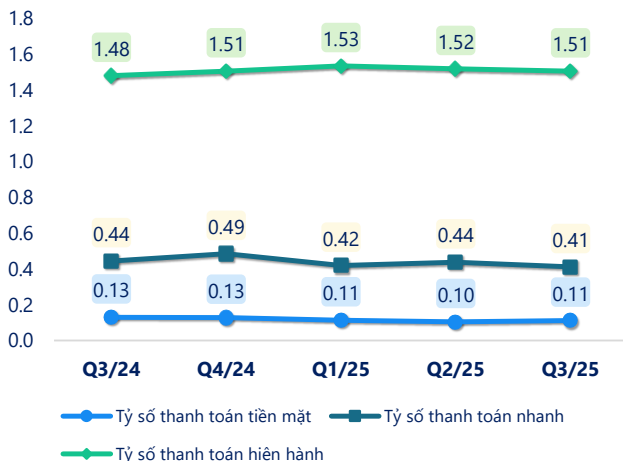
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

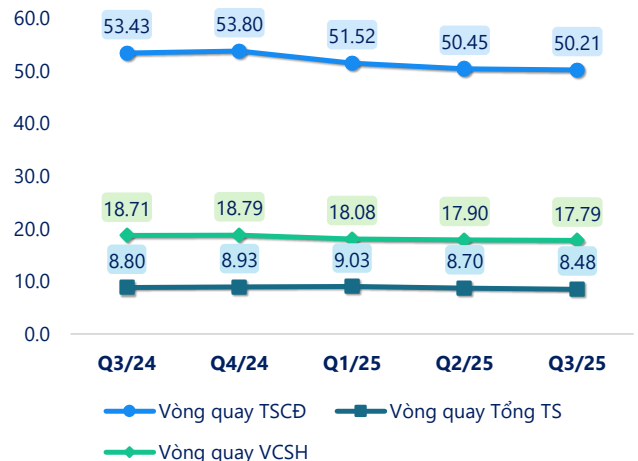
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	507	502	501	529	545
Tài sản ngắn hạn	391	385	385	416	429
Tiền và tương đương tiền	34.2	32.7	28.5	28.6	31.9
Đầu tư tài chính ngắn hạn	6.40	6.40	6.40	6.40	10.0
Phải thu ngắn hạn	74.8	84.4	67.3	83.0	73.5
Hàng tồn kho	274	261	280	296	312
Tài sản ngắn hạn khác	2.01	0.44	2.74	1.69	1.88
Tài sản dài hạn	116	117	116	113	116
Phải thu dài hạn	6.09	6.16	6.30	6.37	6.10
Tài sản cố định	87.2	89.1	89.7	87.0	90.7
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	1.12	2.13	1.59	1.23	2.23
Đầu tư tài chính dài hạn	5.03	5.25	4.66	4.50	4.53
Tài sản dài hạn khác	16.8	14.5	13.7	13.8	12.5
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	265	256	251	275	286
Nợ ngắn hạn	264	255	251	274	285
Vay và nợ thuê ngắn hạn	183	179	172	166	164
Phải trả người bán ngắn hạn	52.2	46.6	55.5	79.9	87.5
Nợ dài hạn	0.48	0.56	0.56	0.80	0.81
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	243	246	250	254	259
Vốn chủ sở hữu	243	246	250	254	259
Vốn điều lệ	182	182	182	182	182
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)